

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU P
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 59/2019/DS-ST

Ngày: 25/04/2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giũ.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu P, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 535, ấp b p 2, xã P B, huyện C P, tỉnh A G.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1968; cùng nơi cư trú: Tổ 02, ấp V T, xã V T T, huyện C P, tỉnh A G.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Huỳnh Tiến D, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 01, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ P, huyện Châu P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt, bà C xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày ý kiến như sau:

Giữa ông K và ông Nguyễn Hoàng P có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản từ ngày 06/6/2012, theo đó ông K đã bán cho ông P và bà Lê Thị Mỹ C (bà C là vợ ông P) thức ăn thủy sản rất nhiều lần và đến khi chấm dứt việc mua bán là vào ngày 25/11/2012 thì ông P và bà C còn nợ lại ông K số tiền 602.662.200đ. Đến ngày 28/3/2013 thì ông P có trả cho ông K được số tiền 240.500.000đ, còn nợ lại 362.162.200đ. Sau đó ông P có giao cho ông Lê Huỳnh Tiến D số tiền 150.000.000đ và nhờ ông D giao trả cho ông K, vì ông P,

ông K và ông D là bạn thân và ông K đã nhận xong. Số nợ còn lại là 212.162.200đ ông K nhờ ông D thu hộ cho ông K số tiền 212.162.200đ mà ông P, bà C còn thiếu, vì tại thời điểm đó ông K không có ở nhà, nhưng kể từ đó cho đến nay ông P cũng không có đưa cho ông D và cũng không có giao trả cho ông K. Nay ông K kiện yêu cầu ông P và bà C có trách nhiệm trả cho ông K số tiền còn nợ 212.162.200đ và tính lãi suất chậm trả theo lãi suất ngân hàng nhà nước từ ngày 17/11/2014 cho đến ngày xét xử.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày ý kiến như sau: Ông P cũng thừa nhận trước đây có xác lập hợp đồng miệng mua bán thức ăn thủy sản với ông Nguyễn Văn K, nhưng thời gian kết thúc việc mua bán là vào ngày tháng nào thì không nhớ, chỉ nhớ là khoảng cuối năm 2012, ông P là người mua thức ăn thủy sản của ông K, khi mua hàng thì ông thừa nhận có nhận hàng và trả tiền sau. Ông xác định đến khi kết thúc việc mua bán vào khoản cuối năm 2012 thì ông không còn mua bán với ông K, do ông K không thực hiện theo đúng hợp đồng là cung cấp thức ăn theo đúng chủng loại và đến khi thu hoạch cá, tuy nhiên vài tháng sau thì giữa ông với ông K đã thỏa thuận và thanh toán nợ xong và ông không còn nợ ông K. Đối với số tiền 212.162.200đ ông K cho rằng ông còn nợ và nhờ ông D thu hộ cho ông K thì ông cũng không thừa nhận, vì số nợ giữa ông với ông K đã thanh toán xong. Nên việc ông K khởi kiện yêu cầu ông P và bà C trả số tiền nợ 212.162.200đ và tính lãi suất chậm trả theo lãi suất ngân hàng nhà nước từ ngày 17/11/2014 cho đến ngày xét xử ông P không đồng ý.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông P thừa nhận số nợ 212.162.200đ mà ông còn thiếu ông K thì ông K đã chuyển giao cho ông D, do vậy ông không còn trách nhiệm với ông K, chỉ ông với ông D tự giải quyết số nợ 212.162.200đ nói trên.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ C xin vắng mặt.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Lê Huỳnh Tiến D trình bày ý kiến như sau: Ông có biết việc ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Hoàng P có mối quan hệ mua bán thức thủy sản, ông K là bên bán, ông P là bên mua, quá trình mua bán thức ăn thì đến thời điểm nào kết thúc thì ông không rõ, nhưng ông chỉ biết đến ngày 17/11/2014 thì ông P có đưa cho ông số tiền 150.000.000đ nhờ ông trả cho ông K, và ông đã nhận và giao cho ông K xong, sau đó ông K có nhờ ông thu hộ cho ông K số tiền vợ chồng ông P nợ 212.162.200đ là tiền vợ chồng ông P còn nợ ông K và ông đã nhận lời, số tiền này ông đã vài lần hỏi ông P về việc thanh toán nhưng ông P không thanh toán. Ông xác định ông K có nhờ ông thu hộ số tiền ông P nợ 212.162.200đ là sự thật và ông P cũng thừa nhận với ông D số nợ trên của ông K chuyển giao cho ông thu hộ. Nay ông K kiện số tiền trên thì ông không có ý kiến và thống nhất số tiền 212.162.200đ mà ông P nợ ông K là thuộc quyền của ông K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện tuân theo pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu P nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hợp đồng mua bán, cụ thể ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P và bà Lê Thị Mỹ C trả cho ông K số tiền nợ mua bán thức ăn thủy sản, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán thuộc loại kiện về tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã, nên ông K làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều có mặt, bà C xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét.

[2] Về nội dung: Xét thấy, hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản giữa ông Nguyễn Văn K với ông Nguyễn Hoàng P thực tế đã xảy ra, theo đó giữa ông K và ông P có mua bán thức ăn thủy sản, ông K thì cho rằng ông có bán thức ăn thủy sản cho ông P và bà C, và còn lại số tiền 212.162.200đ, ông K nhờ ông D thu hộ cho ông K số tiền 212.162.200đ mà ông P, bà C còn thiếu, vì tại thời điểm đó ông K không có ở nhà, nhưng kể từ đó cho đến nay ông P không có đưa cho ông D và cũng không có giao trả cho ông K. Nay ông K kiện yêu cầu ông P, bà C có trách nhiệm trả cho ông K số tiền còn nợ 212.162.200đ và tính lãi chậm trả theo lãi suất ngân hàng nhà nước từ ngày 17/11/2014 cho đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, ông P cho rằng đã có mua thức ăn thủy sản của ông K và đã thanh toán xong, còn số tiền nợ còn lại 212.162.200đ ông không thừa nhận, vì ông cho rằng số nợ này ông K đã chuyển giao cho ông D, nên ông không còn nợ ông K, ông P chỉ thừa nhận lúc mua bán ông có ký vào 3 hóa đơn nợ tiền ông K gồm hóa đơn ngày 7/8/2012 số tiền 200.565.000đ, hóa đơn ngày 13/8/2012 số tiền 203.083.000đ và hóa đơn ngày 10/10/2012 số tiền 400.030.000đ, tổng cộng là có mua thức ăn của ông K với số tiền là

803.678.000đ, như vậy kết thúc hợp đồng ông P có mua thức ăn của ông K với số tiền 803.678.000đ, nhưng ông cho rằng đã thanh toán xong cho ông K nên ông không đồng ý trả, tuy nhiên ông P không có chứng cứ chứng minh là đã trả tiền nợ xong cho ông K và ông K cũng không thừa nhận ông P đã trả xong số nợ nói trên, ông K chỉ yêu cầu ông P trả số tiền còn nợ là 212.162.200đ là thấp hơn so với số tiền ông P mua thức ăn của ông K là 803.678.000đ là có lợi cho ông P, hơn nữa ông P cũng thừa nhận số nợ 212.162.200đ ông thiếu ông K và ông K đã chuyển giao nghĩa vụ cho ông D, nhưng ông D không thừa nhận và ông P cũng không có chứng cứ nào để chứng minh, nên không có cơ sở xem xét, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của ông K đối với số tiền là 212.162.200đ nói trên.

Do ông K kiện ông P và bà C cùng có trách nhiệm trả số nợ trên, và ông P và bà C là vợ chồng sống chung, C tiêu chung nên số nợ trên là nợ chung của bà C và ông P, do vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông K, buộc ông P và bà C cùng có trách nhiệm trả cho ông K số nợ gốc 212.162.200đ nói trên.

Về phần lãi chậm thanh toán: Do ông P, bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải có trách nhiệm trả số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước và phù hợp với quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 theo yêu cầu của nguyên đơn, như vậy tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 17/11/2014 cho đến nay là 53,26 tháng, số tiền lãi được tính như sau: $212.162.200đ \times 53,26 \text{ tháng} \times 9\%/12\text{tháng} = 84.748.000đ$.

Tổng cộng vốn và lãi ông P phải trả cho ông K là: $212.162.200đ + 84.748.000đ = 296.910.200đ$.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.304.000đ theo biên lai thu số 0017477 ngày 21/11/2017 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Châu P.

Ông P và bà C phải chịu 14.845.500đ án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 259 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 305, Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

Buộc ông Nguyễn Hoàng P và bà Lê Thị Mỹ C cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 296.910.200đ (hai trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm mười ngàn, hai trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.304.000đ theo biên lai thu số 0017477 ngày 21/11/2019 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Châu P.

Ông P và bà C phải chịu 14.845.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu P;
- C cục THADS huyện Châu P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hậu